

CHƯƠNG 51.

Paris. Trong công việc ở quán café, tôi rất được bà chủ hài lòng, nhưng lại nhận sự ganh ghét của một cô đầm làm chung ca tối. Sự đố kỵ trong cô càng nhiều hơn khi tôi được lên lương sau hai năm làm việc. Cô vẫn dùng một thứ tiếng Tây sai văn phạm để mai mỉa tôi, gọi tôi là “đồ Chinoise mắt gòc!” và những món tiền khách thưởng cho tôi đã là nguyên nhân gân nhất của lòng đố kỵ ấy.

Dĩ nhiên là tôi nhịn nhục, không phải vì sợ cô, mà chính vì sợ mất việc nếu xảy ra xung đột. Một việc làm ở Paris không phải dễ kiếm, nhất là việc làm tương đối nhàn hạ như việc của tôi ở quán café.

Một điều khác nữa là đột nhiên tôi thấy mình trở nên mệt mỏi để chẳng còn muốn tranh đua hơn thiệt. Vì vậy, trước cái thái độ luôn luôn không đẹp của cô, tôi đâm trở thành con người gương mẫu, đàng hoàng!

Biến cố 1975 không những chỉ làm cho một số lớn người Việt mất quê hương xứ sở mà còn mất luôn cả những cá chất nguyên thủy của họ. Ở đây, tôi gặp nhiều người quen có cùng tâm trạng và thái độ mà tôi đã có. Hầu như ai cũng kính qua bốn chữ “nhắm mắt qua cầu”!

Sự mệt mỏi trong tâm tư là điều lớn nhất. Mệt mỏi từ đủ mọi thứ chung quanh cuộc sống, mệt mỏi luôn trong những kỷ niệm xa vời. Quá khứ đã bị chặt đứt. Tương lai không được xây dựng trong bèn vững. Còn hiện tại lại phải đương đầu với biết bao thứ vật chất. Những điều này dễ dàng dẫn đến cái thái độ và tâm trạng căm lạng chịu đựng mà thôi.

□

Thứ Năm 26/4/1979, lưu diễn Quảng Ngãi.

Đoàn đi thẳng ra Quảng Ngãi. Từ những lần đã qua, biết bao hình ảnh Quảng Ngãi lưu lại trong tôi cũng không sinh động cho bằng hình ảnh một người đàn ông ngồi cúi đầu uống rượu, đêm đêm chúng tôi vẫn nhìn thấy trong lần ghé lại này. Một hình ảnh đẹp đúng nghĩa? Hay có phải cái nhìn của tôi vốn ưa trân trọng những đường nét nhuốm đầy khổ đau?

Thật vậy, trên dáng dấp người khách cô đơn đã như toát ra cả một nỗi phi thường đau khổ. Ông ngồi một mình ở cái bàn trong góc, đầu cúi xuống, chung rượu cầm mãi nơi tay. Trong cách thể trầm tư ấy, ông tựa như đang mất hút vào một cõi nào vô cùng xa lạ. Dầu vậy, cũng từ thân hình cao lớn, khuôn mặt xương xương, tóc dài quá cổ và bộ áo quần tả tơi rách nát, tôi tưởng như nhìn ra dáng dấp của một bậc anh hùng.

Một bữa, chúng tôi nghe người chủ quán kể rằng ông là một Đại úy Nhảy Dù trở về sau năm năm bị giam cầm trong các trại tù Cộng Sản. Sự trở về của một người lính không những chỉ thua trận trên bãi chiến trường mà còn thua luôn trên phạm vi tình cảm. Người vợ ông đã bỏ mặc ông với nỗi đau khổ tù đầy, bế đưa con thơ đi theo một anh cán bộ miền Bắc ngay từ những tháng ngày đầu tiên của cuộc đời quan trọng. Ông

trở về, lang thang thất chí, ngày ngày đi lượm bao nylon trong các hồ rác, bán lấy tiền độ nhật; đêm đêm ngồi trầm tư trong quán vắng lạnh lũng.

Sự ngưỡng mộ theo một hình ảnh đẹp dưới cái nhìn của tôi càng thêm mạnh mẽ. Tôi nghĩ đến một người bị thương nằm đây dựa chẳng ai hay. Vết thương đổ máu, đông đặc bầm khô...

Quán đêm nhạt nhòa một màu trắng bệch. Tôi nghe lòng ngại ngần xa vắng khi đang kỷ niệm hóa -một cách thơ mộng- những hình ảnh độc đáo trong chuyến lưu diễn Quảng Ngãi lần này. Dưới ánh đèn bệnh hoạn, dáng dấp người đàn ông ngồi cúi đầu trông thật cô đơn cùng cực.

Tôi không muốn nhìn nhưng sao như vẫn thấy? Thấy một lần để nhớ hoài. Thấy hoài như vậy, phải nhớ đến kiếp nào cho hết?

□

Paris. Cạnh bên những con người ‘giả đại qua ải’ như tôi, cũng còn có những người Việt Nam nóng nảy và không chủ trương hòa dịu. Sự nóng nảy của họ được biểu lộ qua nhiều môi trường sống, từ trong công việc làm đến những giao thiệp chung quanh, từ trong gia đình ra đến những sinh hoạt ngoài xã hội. Tuy nhiên, mục tiêu rõ rệt nhất của sự nóng nảy trong tâm tư lớp người này chính là những người Việt Nam nào được họ cho là “thân Cộng”.

Sống trong một xã hội Tây Phương tự do mà bất cứ ai cũng dễ dàng bị gắn cho trên đầu cái mũ Cộng Sản. Thân danh về sau có khi bị tan nát cũng là do cái mũ chụp ấy. Mãi rồi, người ta đâm quen đến chẳng buồn biện hộ. Dầu vậy, sự nóng nảy trong tâm tư những con người quá khích cũng chẳng dịu đi bao nhiêu.

Lòng yêu nước là điều mà lớp người này dùng nhân danh trên hết. Cũng vì lòng yêu nước được lòng trong đôi mắt cuồng nhiệt, nên nhìn đâu, họ cũng thấy bóng hình người Cộng Sản! Không thiếu gì những trường hợp oan uổng xảy ra. Có những người đang sống bình thường, đột nhiên một ngày được biến thành Việt Cộng! Có những cơ sở làm ăn đều đặn bỗng dưng một lúc được đeo cái nhãn hiệu “kinh doanh cho quân thù.” Thành ra lâu ngày, không ai là không tự hỏi: “Liệu mình có được yên thân nếu không tỏ ra ‘điên cuồng yêu nước’? Hay có phải lòng yêu nước chỉ là ‘đặc quyền’ của một số người tự vỗ ngực xưng danh?”

Tự do là cái đích của biết bao chuyến ghe vượt biển, bao lớp người Việt Nam lội suối băng rừng. Tự do cũng là nguyên nhân cho bao cái chết, bao xác người trôi giạt biển Đông. Nhưng trong một xã hội Tây Phương có quá nhiều thứ tự do được kết thành văn bản, “tự do” lại biến thành nỗi sợ hãi nhiều hơn là điều ao ước kiếm tìm.

Ở đây, người ta sử dụng tự do tận tình quá đến thành nguy hiểm. Và ở đây, tự do được biểu lộ bằng công khai cụ thể chứ không còn là trêu tượng mơ hồ. “Tự do” đặt ra những tuyên ngôn, đảng hội. “Tự do” đánh đập, mạ lỵ người. “Tự do” mặc áo yêu nước thương nòi cho những con người phản quốc. Và “tự do” đội mũ Cộng Sản lên đầu những kẻ hiền lương.

Luật pháp Tây Phương thường không mấy ưa can dự vào “nội bộ” của những người tị nạn, nên muốn đời, cái quy luật “mạnh được yếu thua” vẫn còn chưa thay đổi.

□

Ngày cuối cùng ở Quảng Ngãi.

**/ Biểu trưng của Quảng Ngãi là "núi Ấn sông Trà".*

+ Núi Thiên Ấn: cao 100m, có dáng cân đối như cái ấn nhà trời. + Từ đỉnh núi nhìn xuống thấy sông Trà Khúc. + Trên núi có chùa Thiên Ấn, khởi dựng từ năm 1694, xây qua bao năm chinh chiến, chùa được tái dựng nhiều lần.

+ Núi không cao, sông không sâu, thắng cảnh thiên nhiên cũng chẳng có gì nổi bật; đất ít lại bạc màu nên người dân hết sức chăm chỉ và tần tiện, nhiều người phải bỏ lũy tre làng đi khai khẩn đất mới ở phương xa.

**/ Trước 30/4/1975 (thời VNCH), Quảng Ngãi thường được gọi là "Vùng xôi đậu", nghĩa là "Ban ngày treo cờ Quốc Gia ban đêm theo chân Cộng Sản" trong cuộc chiến nổi da xáo thịt của hai miền Nam-Bắc VN.*

**/ Trước chùa Thiên Ấn có mộ cụ HUỖNH THỨC KHÁNG (1876-1947), vị Tiền sĩ Nho học cuối cùng của triều Nguyễn. + Năm 1908, cụ dẫn đầu cuộc biểu tình đòi chính quyền Bảo hộ của thực dân Pháp giảm thuế, bị đày đi Côn Đảo. + Sau đó cụ làm báo, có hội làm nghị sĩ. + Sau tháng 8/1945, cụ tham gia chính phủ Việt Minh, làm bộ trưởng bộ Nội Vụ.*

*

**

Cả tổ Tân Nhạc được một vị khách quen mời về nhà uống rượu buổi trưa. Trong căn nhà lá ở mãi tận xã Mỹ Lai, huyện Sơn Tịnh, cách thị xã Quảng Ngãi 5 cây số về hướng Bắc, chúng tôi ngồi quanh chiếu rượu ê hề thức nhắm bày ra trên sàn đất. Vị chủ nhân, một người đàn ông ngoài ba mươi tuổi, có vợ và hai con, giao thiệp với chúng tôi ngay từ khi đoàn tới Quảng Ngãi vài năm trước. Nhưng đây mới là lần đầu chúng tôi đến nhà anh.

Căn nhà vách đất hai gian nằm lồm giữa khu vườn um tùm các bụi mía giống như những bức thành kiên cố. Đàn gà con lúc lúc chạy theo chân gà mẹ cạnh cái giếng khô. Sau hè, một con lợn nái nằm dài trong chuồng, đáng nặng nề lười biếng. Những tiếng ụt ụt của ba chú heo con bao quanh chậu cám không ngớt vang lên.

Cái không khí an bình buổi trưa làm cho tôi chợt nghe buồn ngủ. Nên, rời chiếu rượu sớm, tôi ra nằm trên chiếc võng mắc giữa thân hai cây mít ngoài vườn. Từ trong nhà dội ra tiếng chuyện trò vui vẻ của các người đàn ông làm cho giấc ngủ không đến như ý tôi chờ đợi. Đặc biệt giọng nói Quảng Ngãi của vị chủ nhân cứ xoáy lên trong óc tôi những hình ảnh nào mịt mù trong quá khứ. Những hình ảnh tưởng như đã nằm im ngàn đời trong kỷ niệm, không ngờ một lúc sống dậy rõ nét như mới vừa xảy ra ngày hôm qua.

Thuở xưa, khi còn đi học, tôi có một người bạn thân lớn hơn bốn tuổi. Tôi thân với anh vì hai lẽ: Thứ nhất, anh học rất giỏi, môn Triết học Đông phương không phải dễ nuốt, vậy mà với anh chỉ là một trò chơi. Thứ hai, giọng nói Quảng Ngãi và bộ dáng dầy gò của anh vẫn là đề tài cười cợt cho bè bạn trong các cuộc trò chuyện; điều này khiến tôi xót xa và cả phần nộ. Tôi thường phản kháng một người bạn khác (cũng thuộc hàng thân) rằng: "*Đâu cũng là quê hương thì đã chắc gì giọng nói Hà Nội quỵến rũ của anh lại có giá trị hơn giọng nói Quảng Ngãi của người bạn kia?*"

Một buổi chiều đầu năm 1968, sau giờ học, tôi được người bạn Quảng Ngãi mời đi uống *café*. Từ khi mới quen, tôi đã biết anh rất nghèo, vừa đi học vừa đi làm rất nhọc nhằn khổ cực. Quán *café* bên hông trường nổi tiếng ngon và rẻ cũng chẳng bao giờ anh tìm đến. Vì vậy, tôi nói với anh rằng tôi chỉ nhận lời nếu anh để tôi trả tiền *café* sau đó. Anh hỏi tại sao? Tôi đáp ngay cho anh đừng bối rối: "*Anh vẫn giúp tôi làm bài mà tôi chưa có dịp trả. Bây giờ tôi mời anh một châu *café* là chuyện đương nhiên!*"

Cuộc *café* không để lại ấn tượng nào đặc biệt trong tôi ngoài bài thơ *Tỳ Bà* của Bích Khê¹. Anh e dè nói: "*Bài thơ này hẳn chị đã biết, nhưng tôi muốn đọc lên cho chị nghe bằng chính giọng Quảng Ngãi quê hương của Bích Khê và cũng là quê hương của tôi.*"

Từ lâu, tôi vẫn yêu bài *Tỳ Bà*, nhưng thật chưa lúc nào nghe xúc động cho bằng buổi chiều sắp tắt ngời trong quán *café* nhỏ bên hông trường, nhìn những chiếc lá vàng rơi dưới bầu trời mây tím, chữ nghĩa của Bích Khê vờn lượn như sóng nhạc bên tai qua giọng đọc của người bạn tôi.

*Nàng ơi ! Tay đêm đang giăng mềm
Trắng đan qua cành muôn tay êm
Mây hung pha màu thu trên trời
Sương lam phơi màu thu muôn nơi*

*Vàng sao nằm im trên hoa gầy
Tương tư người xưa thoi qua đây
Ôi ! Nàng năm xưa quên lời thề
Hoa vừa đưa hương gầy đê mê*

*Cây đàn yêu đương làm bằng thơ
Cây đàn yêu đương run trong mơ
Hồn về trên môi kêu: em ơi
Thuyền hồn không đi lên chơi vui*

*Tôi qua tìm nàng vậy du dương
Tôi mang lên lầu lên cung Thương
Tôi không bao giờ thoi yêu nàng
Tình tang tôi nghe như tình lang*

¹ Bích Khê, tên thật là Lê Quang Lương, sinh ngày 24/3/1926 ở làng Thu Xà, xã Phước Lộc huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Mất ngày 17/1/1946, 30 tuổi.

*Yêu nàng bao nhiêu trong lòng tôi
Yêu nàng bao nhiêu trên đôi môi
Đâu tìm Đào Nguyên cho xa xôi
Đào Nguyên trong lòng nàng đây thôi*

*Thu ôm muôn hồn chơi phiêu diêu
Sao tôi không màng kêu: em yêu
Trăng nay không nàng như trăng thiêu
Đêm nay không nàng như đêm hiu*

*Buồn lưu cây đào tìm hơi xuân
Buồn sang cây tùng thăm đông quân
Ô ! Hay buồn vương cây ngô đồng
Vàng rơi ! vàng rơi: Thu mệnh mỏng.*

Đọc xong bài thơ, người bạn cứ ngồi cúi đầu, trầm ngâm hút thuốc lá. Tôi ái ngại nhìn anh. Làm sao mà tôi không nhận ra tâm tình kín đáo anh dành cho tôi ngay từ những ngày đầu quen biết? Làm sao mà tôi không đo lường được dưới lớp bề ngoài gầy yếu, anh còn ẩn giấu cả một nỗi lòng căm lạng đảo điên? Tuy nhiên, cái khuynh hướng xã hội chủ nghĩa trong tư tưởng anh đã vô tình tạo ra giữa tôi với anh một khoảng cách ngăn nào đó. Đạo ấy, đầu óc còn ngu ngơ quá, tôi chưa nhận ra được giá trị của sự đau khổ, chưa ý thức được tầm vóc của những kinh nghiệm sống bằng mồ hôi nước mắt mà anh đã trải qua.

Học trên tôi ba lớp, anh thường đến nhà giúp tôi làm bài. Tư cách đàng hoàng của anh rất được mẹ tôi quý trọng. Nhưng trong những câu chuyện với nhau, tôi cảm thấy xa lạ mỗi lần nghe anh đề cập đến các vấn đề "*san bằng giai cấp, đời sống nghèo khổ của giới nông dân, xã hội chủ nghĩa*"...v.v.. Những khi ấy, trông anh hăng say như một diễn giả có tài, còn tôi lại ù ù cạc cạc như một đứa vừa điếc vừa câm.

Tuy nhiên, buổi chiều trong quán *café* bên hông trường đại học, nghe những vần thơ Bích Khê qua giọng đọc của anh, tôi đâm ngạc nhiên thực sự. Và câu hỏi "*Có thể nào một người vừa yêu xã hội chủ nghĩa lại vừa yêu được những dòng thơ lai láng của Bích Khê*" cứ quay cuồng trong trí não tôi.

Hai tháng sau, cũng một buổi chiều, người bạn Quảng Ngãi tìm đến thăm tôi. Khuôn mặt anh buồn quá khiến tôi e dè không dám hỏi câu gì cả. Mãi thật lâu, anh bày tỏ: "*Cả gia đình tôi và luôn cả làng tôi đều chết hết trong vụ tàn sát mới đây của bọn lính Mỹ.*"

Và anh ứa nước mắt. Tôi rùng mình ngồi ngậy trên ghế. Cứ vậy, một giờ đồng hồ trôi qua, chúng tôi không nói gì với nhau. Anh mãi hút hết điếu thuốc này qua điếu thuốc khác, khuôn mặt trầm ngâm đau đớn, thỉnh thoảng lại kêu nhỏ: "*Tôi không tưởng tượng được sự tàn ác của bọn chúng nó cao đến như vậy!*"

Chữ "*bọn chúng nó*", tôi không hiểu anh muốn dùng cho ai, người Mỹ hay chính quyền hiện tại? Nhưng tôi không dám hỏi.

Cho đến lúc chia tay, tôi nghe anh nói: "*Có lẽ tôi phải bỏ học đi xa.*" Anh không giải thích chữ "*đi xa*" là mãi tận đâu và trong óc tôi chỉ hình dung sự đi xa của anh như một chuyến trở về Quảng Ngãi.

Từ buổi chiều hôm đó, anh không còn đến thăm tôi nữa.

Hơn một năm sau, đọc trong các tờ báo Việt ngữ và ngoại quốc nói về cuộc tàn sát một lúc 502 người Việt Nam (380 người ở thôn Từ Cung và 122 người ở thôn Cổ Lũy, xã Mỹ Lai, huyện Sơn Mỹ, tỉnh Quảng Ngãi) của tên Trung úy William L. Calley ngày 16/3/1968, tôi mới biết rằng gia đình người bạn tôi là một trong số 24 gia đình nạn nhân bị bắn chết không thương xót dưới tay đồng bọn và chính cả tên trung úy tàn bạo kia.

Nhiều năm trôi qua, tôi vẫn không có tin tức gì của người bạn cũ. Cho đến một buổi chiều tháng 5/1975, trời Sài Gòn gió mưa tầm tã, một người đàn ông mặc quân phục Cộng Sản tìm đến gặp tôi. Người này tự giới thiệu là bạn chiến đấu cận kề với anh bạn Quảng Ngãi, được bạn tôi trao gửi một sứ mạng trước khi anh từ giã cuộc đời trên chiến trường Bình Long năm 1974. "*Cái sứ mạng tìm về nói cho tôi hay rằng anh vẫn yêu bài thơ Tỳ Bà của Bích Khê như hình ảnh đẹp nhất của một quá khứ cơ hàn thuở xưa*"

.. ..

Buổi chiều cuối cùng ở Quảng Ngãi, tôi nằm trên chiếc võng trong ngôi vườn xa lạ, hình dung ra những tiếng nổ vang rền trong ngày 16/3 năm cũ. Những giòng máu đỏ của các người dân vô tội chảy dài trong trí tưởng. Những cái thây đổ gục. Giọt nước mắt của bạn tôi như cũng chập chờn trong đầu óc mông lung. Từ chiếu rượ, tiếng chuyện trò vang ra ào ạt. Tuy nhiên giọng nói miền Nam của các anh bạn trong tổ Tân Nhạc vẫn không át được giọng nói Quảng Ngãi nặng nề của vị chủ nhân.

Hơn mười năm đầu bề, mọi sự tưởng như lắng im dưới mép bờ quên lãng. Trong trí nhớ tôi, khuôn mặt người bạn cũng bị thời gian làm cho biến dạng đi. Nhưng còn bài thơ Bích Khê với buổi chiều sắp tắt ngôi trong quán *café* bên hông trường đại học, làm sao tôi quên được? Làm sao thời gian có thể tàn phá nổi giá trị của mỗi tình cảm mà một con người đã cu rư mang từ thuở thanh xuân cho đến lúc từ giã trần gian?

Bài thơ của Bích Khê cứ nhảy múa trong trí nhớ buổi trưa nơi một vùng quê xa lạ. Bài thơ có những câu làm xúc động được tôi từ dạo nào tâm hồn còn trắng trong như tờ giấy và luôn cả bây giờ trái tim đã đầy biết bao vết sẹo đón đau:

*Ôi! Người năm xưa quên lời thề
Hoa vừa đưa hương gây mê (...)
Tôi không bao giờ thôi yêu nàng
Tình tang tôi nghe như tình lang!*

□

